

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHẠM ĐỨC VŨ

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRÊN
ĐỊA BÀN HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số : 60.31.05

TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học : **TS. ĐOÀN HỒNG LÊ**

Phản biện 1: **TS. Ninh Thị Thu Thủy**

Phản biện 2: **TS. Nguyễn Phú Thái**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 24 tháng 01 năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại :

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong những năm gần đây, khu vực kinh tế tư nhân đã đóng góp không nhỏ về tốc độ tăng GDP, tạo việc làm, đóng góp vào thu Ngân sách, và đang dần thể hiện vai trò, vị thế của mình so với khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế nước ngoài. Chính khu vực kinh tế tư nhân đã làm đa dạng hóa nền kinh tế của nước ta, đáp ứng nhu cầu về vốn rất lớn cả về phía người tiêu dùng lẫn chủ sở hữu, tính đa dạng đó là ưu thế rất lớn để đưa nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún lên nền sản xuất hàng hóa lớn. Với vai trò to lớn đó, cùng với sự phát triển nhanh chóng, phức tạp về cả số lượng, quy mô trong thời gian gần đây đòi hỏi phải có những nghiên cứu chi tiết thực trạng của khu vực kinh tế tư nhân huyện Tuy Phước, đảm bảo sự phát triển đúng quỹ đạo, định hướng kinh tế mà tỉnh Bình Định đặt ra trong những năm tới. Nhận thức rõ điều đó, bản thân tôi quyết định chọn đề tài: “Phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định” cho luận văn thạc sĩ kinh tế của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến kinh tế tư nhân.
- Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế tư nhân tại huyện Tuy Phước.
- Đề xuất phương hướng và một số giải pháp nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của KTTN, góp phần phát triển loại hình kinh tế này của huyện Tuy Phước trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc phát triển KTTN tại huyện Tuy Phước.
- Phạm vi nghiên cứu: Về mặt nội dung: Tập trung nghiên cứu một số nội dung phát triển KTTN huyện Tuy Phước thông qua các loại hình doanh nghiệp của tư nhân: công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh

nghiệp tư nhân. Về không gian: đề tài chỉ nghiên cứu nội dung trên tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Về thời gian: các giải pháp đề xuất trong luận văn này có ý nghĩa trong 05 năm đến.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu thống kê mô tả. Ngoài ra, đề tài còn sử dụng phương pháp chuyên gia, phương pháp phân tích so sánh, phương pháp phân tích thực chứng, chuẩn tắc...

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn được chia thành 3 chương chính:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển kinh tế tư nhân.

Chương 2: Thực trạng phát triển kinh tế tư nhân huyện Tuy Phước giai đoạn 2008-2012.

Chương 3: Một số giải pháp phát triển kinh tế tư nhân huyện Tuy Phước.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Đề tài kinh tế tư nhân đã có các công trình nghiên cứu của một số tác giả như sau: GS.TS Hồ Văn Vĩnh, TS. Nguyễn Thị Như Hà, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội. PGS.TS Trịnh Thị Hoa. GS. TS. Nguyễn Thanh Tuyền, PGS. TS. Nguyễn Quốc Tế, TS. Lương Minh Cừ. Ở thành phố Đà Nẵng, vấn đề nghiên cứu kinh tế tư nhân cũng đã được quan tâm, hiện nay có các công trình nghiên cứu sau: *Kinh tế tư nhân ở thành phố Đà Nẵng, thực trạng và giải pháp* của tác giả Trần Văn Năm. *Hoàn thiện môi trường đầu tư nhằm phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng* của Nguyễn Thị Thanh Thủy (2004), đề tài cấp thành phố của PGS. TS. Lê Thế giới (2004), *Cải thiện môi trường đầu tư để phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.1. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1.1.1. Khái niệm về kinh tế tư nhân và phát triển kinh tế tư nhân

Hiện nay đối với thuật ngữ “khu vực tư nhân” tồn tại một số cách hiểu khác nhau tùy theo quan điểm và cách nhìn nhận mang tính chất về sở hữu. Ở Việt Nam, theo cách hiểu rộng nhất thì khu vực KTTN và khu vực KTNN (hay còn gọi là khu vực quốc doanh) là hai bộ phận cấu thành nền kinh tế. Như vậy, các cách hiểu về các thuật ngữ “khu vực quốc doanh”, “khu vực ngoài quốc doanh” và “khu vực tư nhân” đều mang tính ước lệ chưa thống nhất hoàn toàn. Trong chuyên đề này, thuật ngữ “khu vực kinh tế tư nhân” được hiểu hẹp hơn nữa, bao gồm các doanh nghiệp trong nước trừ bộ phận kinh tế phi nông nghiệp ngoài quốc doanh.

Trong luận văn chỉ giới hạn tập trung nghiên cứu khu vực kinh tế tư nhân dưới hình thức biểu hiện là các loại hình doanh nghiệp tư nhân bao gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

Phát triển kinh tế tư nhân, là một quá trình lớn lên, tăng tiến mọi mặt của các yếu tố, các bộ phận, các cơ sở, đặc biệt là các khu vực trong khu vực kinh tế tư nhân. Chính sự phát triển của từng doanh nghiệp là yếu tố cơ bản quyết định nhất trong việc phát triển của cả khu vực kinh tế tư nhân. Sự tăng trưởng của khu vực kinh tế tư nhân đồng thời có sự biến đổi sâu sắc về mặt cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội theo chiều hướng tiến bộ.

1.1.2. Các hình thức tổ chức kinh tế tư nhân

Doanh nghiệp tư nhân: Là doanh nghiệp do một cá nhân làm

chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Chủ sở hữu duy nhất của một doanh nghiệp tư nhân là cá nhân.

1.1.3. Đặc điểm của kinh tế tư nhân

+ KTTN gắn liền với lợi ích cá nhân – là động lực để thúc đẩy xã hội phát triển.

+ KTTN là nền tảng của kinh tế thị trường:

1.1.4. Vai trò của kinh tế tư nhân

a. Kinh tế tư nhân góp phần thúc đẩy việc hình thành các chủ thể kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý theo hướng thị trường, tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh trong nền kinh tế.

b. Kinh tế tư nhân góp phần khai thác và tận dụng có hiệu quả tiềm năng về vốn, các nguồn nguyên liệu ở từng địa phương.

c. Kinh tế tư nhân góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế năng động

d. Kinh tế tư nhân đóng góp thu ngân sách

e. Kinh tế tư nhân góp phần giải quyết việc làm cho người lao động

f. Kinh tế tư nhân góp phần xóa đói giảm nghèo

1.1.5. Lợi thế của kinh tế tư nhân

- Về quan hệ sở hữu

- Về quan hệ quản lý

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1.6. Hạn chế của kinh tế tư nhân

- Quá trình phát triển kinh tế tư nhân với bản chất vốn có chắc chắn sẽ dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo, ảnh hưởng không tốt đến vấn đề công bằng xã hội.

- Mục tiêu kinh doanh là lợi nhuận, luôn xuất phát từ những chi phí và lợi ích cá nhân để quyết định vấn đề. Các cơ sở sản xuất

tư nhân sẵn sàng bỏ qua yếu tố tác động xã hội (kể cả khi có hại) để mưu lợi cho cơ sở của mình.

- Tính tự phát trong sản xuất là đặc điểm về xu hướng phát triển của kinh tế tư nhân.

- Do điểm xuất phát thấp cho nên quy mô vốn của các cơ sở sản xuất tư nhân thường rất ít, không đáp ứng nhu cầu sản xuất.

1.2. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

Phát triển kinh tế tư nhân được biểu hiện qua những vấn đề sau đây:

1.2.1. Gia tăng số lượng các doanh nghiệp

Phát triển số lượng các doanh nghiệp tư nhân là số lượng các doanh nghiệp của kinh tế tư nhân tăng lên đáng kể, năm sau nhiều hơn năm trước.

Để phản ánh sự phát triển số lượng doanh nghiệp kinh tế tư nhân, có thể sử dụng 02 tiêu chí sau:

- Sự gia tăng về số lượng các doanh nghiệp
- Tốc độ tăng số lượng các doanh nghiệp

1.2.2. Mở rộng quy mô các nguồn lực

Mở rộng quy mô các yếu tố nguồn lực của doanh nghiệp có thể hiểu là làm cho các yếu tố về đất đai, lao động, nguồn vốn, hệ thống cơ sở vật chất của doanh nghiệp ngày càng tăng lên. Đất đai, lao động, nguồn vốn là những yếu tố đầu vào cơ bản đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp tư nhân.

+ Quy mô lao động và lao động bình quân trong mỗi doanh nghiệp;

- + Trình độ của người lao động;
- + Trình độ của chủ doanh nghiệp
- *Mặt bằng sản xuất kinh*
- *Về công nghệ, máy móc thiết bị*

1.2.3. Phát triển hình thức tổ chức sản xuất

Sự phát triển của các hình thức tổ chức sản xuất phụ thuộc vào xu hướng phát triển của kinh tế xã hội. Một doanh nghiệp khi mới thành lập cần nghiên cứu và lựa chọn hình thức tổ chức sản xuất phù hợp nhất với điều kiện hiện có của doanh nghiệp và phù hợp với xu hướng phát triển.

1.2.4. Phát triển các hình thức liên kết sản xuất

Có hai hình thức liên kết, đó là liên kết để tạo ra các yếu tố đầu vào, bao gồm nguồn vốn, tạo và sử dụng nguyên liệu, tạo phụ tùng và thiết bị, máy móc, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ lao động và liên kết ở khâu sản xuất, gồm có liên kết ngang là liên kết giữa các doanh nghiệp cùng sản xuất mặt hàng, nhóm sản phẩm tương tự; liên kết dọc là liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất bán thành phẩm cung cấp cho nhau để tiếp tục chế biến ra sản phẩm cuối cùng; liên kết hỗn hợp là kết hợp giữa liên kết ngang và liên kết dọc giữa các doanh nghiệp khai thác, chế biến tiêu thụ; liên kết để thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ.

1.2.5. Mở rộng thị trường

- Mở rộng thị trường khu vực kinh tế tư nhân: là làm cho yếu tố thị trường thị phần, khách hàng của nó ngày càng tăng trưởng và phát triển

- Thị phần doanh nghiệp bao gồm: thị phần hàng hóa, dịch vụ và cả thị phần kết hợp. Trong nền kinh tế thị trường, điều mà người ta quan tâm nhất chính là nhu cầu của khách hàng hay nói cách khác là đầu ra cho sản phẩm.

1.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất

1.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

Khu vực kinh tế tư nhân chỉ có thể tồn tại và phát triển khi có môi trường kinh doanh thích hợp. Môi trường kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân ở nước ta là nền kinh tế thị trường định hướng xã

hội chủ nghĩa. Một số nhân tố của môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến sự phát triển của từng doanh nghiệp nói riêng và khu vực kinh tế tư nhân nói chung.

1.3.1. Nhân tố về thị trường và đối thủ cạnh tranh

- Về thị trường
- Đối thủ cạnh tranh
- Chiến lược sản xuất kinh doanh

1.3.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng và kỹ thuật

Cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải thuận lợi tạo điều kiện để kinh tế nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng phát triển. Nếu một khu vực có các điều kiện về tự nhiên, xã hội, cơ chế, chính sách thông thoáng dễ dàng để kinh tế tư nhân phát triển.

Với trình độ khoa học kỹ thuật ngày càng tiến bộ, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ cơ sở hạ tầng là một trong những điều kiện phát triển nền kinh tế.

1.3.3. Nhân tố về thông tin

Vì vậy thông tin về thương mại điện tử có tác động rất quan trọng đối với nền kinh tế và các doanh nghiệp: Thứ nhất, thông tin giúp các doanh nghiệp cập nhật các thông tin về tình hình, nhu cầu của thị trường một cách đầy đủ nhất. Doanh nghiệp không chỉ cần quảng bá được những thông tin về quá trình sản xuất kinh doanh, sản phẩm và những mục đích khác ra bên ngoài, mà còn tìm kiếm các nhu cầu trên thị trường cũng dễ dàng, thuận tiện.

Vì vậy, nếu biết sử dụng tốt về thông tin các doanh nghiệp sẽ thu thập được những thông tin phong phú về kinh tế - thương mại (thông tin thị trường); giảm chi phí cho sản xuất; giảm thấp chi phí bán hàng và chi phí tiếp thị; tạo điều kiện củng cố và thiết lập mối quan hệ với khách hàng.

1.3.4. Các chính sách liên quan đến kinh tế tư nhân

Chính sách liên quan đến kinh tế tư nhân bao gồm: chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách điều tiết hoạt động kinh tế, chính sách

kinh tế đối ngoại, chính sách về chiến lược phát triển kinh tế.

1.3.5. Hệ thống dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

Dịch vụ kinh doanh gồm các dịch vụ hành chính công và các dịch vụ phát triển kinh doanh.

+ Dịch vụ hành chính công.

+ Các dịch vụ phát triển kinh doanh.

1.3.6. Nhóm các nhân tố xã hội và điều kiện tự nhiên

- Nhóm các nhân tố xã hội bao gồm dân số và tập quán, truyền thống, lao động và trình độ lao động.

- Những thuận lợi về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, địa hình và tài nguyên thiên nhiên đem lại lợi thế so sánh không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

Quận Sơn Trà – Tỉnh Đà Nẵng

Quận đã xác định rõ KTTN là một bộ phận quan trọng, không thể tách rời trong quá trình phát triển kinh tế và tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên Lãnh đạo Quận đã tập trung chỉ đạo cho các doanh nghiệp ở địa phương phát triển theo đúng đường lối chủ trương, chính sách của Đảng.

Bảng 1.1. Mức độ đóng góp vào tăng trưởng và phát triển kinh tế của các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân từ năm 2007 -2011

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011
Giá trị sản phẩm	179.665	680.808	815.204	1.045.489	1.137.870
Doanh thu bình quân doanh nghiệp khu vực KTTN	5.643	8.993	9.921	12.559	12.484
Lợi nhuận sau thuế bình quân	210,7	233,3	248,6	316,2	87,46
Nộp ngân sách Nhà nước	12.625	18.750	29.948	64.771	87.112
Tiền lương bình quân 1 tháng 1 lao động	6,342	7,253	8,39	9,68	10,245

(Nguồn: Số liệu từ luận văn thạc sĩ của tác giả Đào Thị Hồng Lý)

Huyện An Nhơn – Tỉnh Bình Định

Vận dụng cơ sở lý luận vào thực tiễn một cách linh hoạt và nhạy bén nên khu vực kinh tế tư nhân ở huyện An Nhơn được xem là một trong những huyện phát triển tốt nhất về phát triển kinh tế tư nhân, qua đó đã đóng góp cao vào ngân sách hàng năm, giải quyết việc làm cho một số lượng lớn lao động, góp phần ổn định kinh tế chính trị và xã hội của huyện.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN HUYỆN TUY PHƯỚC GIAI ĐOẠN TỪ 2008- 2012

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA HUYỆN TUY PHƯỚC ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

**Bảng 2.1. Tình hình sử dụng đất đến thời điểm 31/12/2012
của huyện Tuy Phước**

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	21.712,57	100
1	Đất nông nghiệp	13.309,05	61,30
a)	Đất sản xuất nông nghiệp	9.817,41	45,22
b)	Đất lâm nghiệp có rừng	2.378,32	10,95
c)	Đất nông nghiệp khác	15,94	0,07
d)	Đất làm muối	26,58	0,12
e)	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng(nuôi trồng thủy sản)	1.070,80	4,93
2	Đất phi nông nghiệp	6.905,85	31,81
a)	Đất ở	806,84	3,72
b)	Đất chuyên dùng	3.069,04	14,13
c)	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	47,03	0,22
d)	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	557,12	2,57
e)	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	2.425,36	11,17
f)	Đất Phi nông nghiệp khác	0,46	0,002
3	Đất chưa sử dụng	1.497,67	6,90

(Nguồn: Theo số liệu của Chi cục thống kê huyện Tuy Phước)

Theo số liệu của bảng 2.1 dễ dàng nhận thấy tài nguyên đất của huyện vẫn tập trung cao cho việc phát triển nông nghiệp tại địa phương.

*** Tài nguyên du lịch:**

*** Các lễ hội truyền thống của huyện Tuy Phước:**

2.1.2. Đặc điểm xã hội

Toàn huyện có 13 đơn vị xã, thị trấn, trong đó có 11 xã và 2 thị trấn với tổng số 101 đơn vị số thôn khu phố.

Theo số liệu thống kê, cuối năm 2012 dân số huyện Tuy Phước 181.842 người, trong đó nữ chiếm tỷ lệ 51.1%. Mật độ dân số trung bình 838 người/km². Năm 2012 dân số trung bình ở thành thị là 25.474 người và ở nông thôn là 156.368 người. Dân số huyện Tuy Phước các năm gần đây tăng nhanh so với năm 2007, dân số tăng 435 người.

Bảng 2.2. Lao động đang làm việc phân theo trình độ

Chi tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012
Dân số	Người	180.198	180.095	180.658	181.407	181.842
Nguồn lao động	Người	98.125	98.193	99.210	99.558	99.797
Trong đó lao động phân theo trình độ						
Công nhân kỹ thuật	Người	29.515	27.964	27.546	27.876	28.574
% so với tổng số	%	30,08	28,48	27,77	28,00	28,63
Trung học chuyên nghiệp	Người	8.459	8.725	9.265	11.245	11.755
% so với tổng số	%	8,62	8,89	9,34	11,29	11,78
Cao đẳng, ĐH, trên ĐH	Người	7.388	7.568	8.097	8.659	9.142
% so với tổng số	%	7,53	7,71	8,16	8,70	9,16
Không có trình độ	Người	52.763	53.936	54.302	51.778	50.326
% so với tổng số	%	53,77	54,93	54,73	52,01	50,43

(Nguồn: Theo số liệu của Chi cục thống kê huyện Tuy Phước)

2.1.3. Đặc điểm kinh tế

Huyện đã và đang quy hoạch , xây dựng chỉnh trang thị trấn và các xã trên diện rộng, tập trung nhiều nguồn lực đầu tư phát triển

kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là nâng cấp mở rộng mạng lưới giao thông, điện lưới, cấp nước,...

Bảng 2.3. Một số chỉ tiêu kinh tế huyện Tuy Phước

T T	Chi tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012
1	GDP (giá cố định 1994)	Triệu đồng	699.728	778.873	864.288	958.576	1.057.736
2	Công nghiệp - xây dựng (CN-XD)	Triệu đồng	153.998	178.005	199.347	214.823	233.227
	Cơ cấu CN-DX	%	22,01	22,85	23,06	22,41	22,05
3	Thương mại - Dịch vụ (TM-DV)	Triệu đồng	281.819	318.305	367.682	425.595	476.302
	Cơ cấu TM-DV	%	40,28	40,87	42,54	44,40	45,03
4	Nông, Lâm, Thủy sản (N.L.TS)	Triệu đồng	263.911	282.563	297.259	318.158	348.207
	Cơ cấu	%	37,72	36,28	34,39	33,19	32,92
5	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	11,77	11,31	10,97	10,91	10,34
6	GDP bình quân đầu người (giá thực tế)	Triệu đồng	10,2	12,2	13,5	18,1	20,2

(Nguồn: Theo số liệu của Chi cục thống kê huyện Tuy Phước)

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN CỦA HUYỆN TUY PHƯỚC GIAI ĐOẠN TỪ 2008- 2012

2.2.1. Sự phát triển số lượng các doanh nghiệp kinh tế tư nhân

- Sự phát triển của các cơ sở sản xuất kinh doanh: Việc ban hành Luật doanh nghiệp mới đầy đủ và hoàn thiện hơn cho khu vực kinh tế tư nhân đã tạo ra một bước đột phá trong công cuộc cải cách kinh tế nói chung. Nhờ vào việc xóa bỏ thủ tục cấp giấy phép thành lập doanh nghiệp, hủy bỏ 152 loại giấy phép kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong khâu đăng ký kinh doanh nên số lượng doanh nghiệp mới thành lập tăng lên rõ rệt.

Để nhận xét, đánh giá sự phát triển số lượng doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tuy Phước cần xem xét các số liệu thống kê sau:

Bảng 2.4. Tình hình phát triển doanh nghiệp trong khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn huyện Tuy Phước (về số lượng)

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn huyện	126	145	160	180	205
Trong đó các doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN	117	135	150	170	198
Tỷ trọng các doanh nghiệp thuộc KV KTTN so với tổng số (%)	92,86	93,10	93,75	94,44	96,59
Tốc độ tăng hằng năm của các doanh nghiệp thuộc KV KTTN (%)		15,38	11,11	13,33	16,47
Tốc độ tăng bình quân cả giai đoạn	14,07				

(Nguồn: Theo số liệu của Chi cục thống kê huyện Tuy Phước)

2.2.2. Thực trạng về các yếu tố nguồn lực của kinh tế tư nhân

Về quy mô các yếu tố nguồn lực của doanh nghiệp xét trên 03 phương diện là quy mô vốn sản xuất kinh doanh; quy mô lao động làm việc trong các doanh nghiệp và mặt bằng sản xuất của các doanh nghiệp.

Bảng 2.6. Vốn kinh doanh bình quân của các doanh nghiệp kinh tế tư nhân

(Đvt: triệu đồng)

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
DNTN	1.296	1.450	1.764	1.873	1.985
Công ty TNHH	2.570	2.610	2.715	3.046	3.345
Công ty Cổ phần	8.455	9.542	10.215	12.542	17.856
Tổng	12.321	13.602	14.694	17.461	23.186

(Nguồn: : Theo số liệu của Chi cục thống kê huyện Tuy Phước)

Trên thực tế, thiếu vốn để sản xuất và mở rộng sản xuất là hiện tượng phổ biến và được coi là một trong những cản trở lớn nhất của khu vực kinh tế tư nhân.

Nhu cầu vay vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và chủ động hội nhập với xu thế phát triển của kinh tế thị trường đang là vấn đề bức xúc đối với kinh tế tư nhân.

Số lao động bình quân của các doanh nghiệp kinh tế tư nhân thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.8. Lao động bình quân của các doanh nghiệp kinh tế tư nhân

Chi tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
DNTN	15	15	20	23	23
Công ty TNHH	20	20	23	27	30
Công ty Cổ phần	35	35	37	37	42

(Nguồn: Theo số liệu của Chi cục thống kê huyện Tuy Phước)

Bảng 2.10. Trình độ chuyên môn của chủ doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân huyện Tuy Phước năm 2012

Chi tiêu	DNTN	Công ty TNHH	Công ty Cổ phần
- Thạc sỹ	0	0	0
+Tỷ trọng so với tổng số (%)	0	0	0
-Đại học	10	96	7
+Tỷ trọng so với tổng số (%)	15,15	76,8	100
-Cao đẳng	22	22	0
+Tỷ trọng so với tổng số (%)	33,33	17,6	0
-Trung cấp chuyên nghiệp	2	5	0
+Tỷ trọng so với tổng số (%)	3,03	4	0
-Trung cấp nghề	1	2	0
+Tỷ trọng so với tổng số (%)	1,52	1,6	0
-Khác	31	0	0
+Tỷ trọng so với tổng số (%)	46,96	0	0
Tổng	66	125	7

(Nguồn: Theo số liệu của Chi cục thống kê huyện Tuy Phước)

- Cơ sở vật chất

- Về mặt bằng sản xuất kinh doanh:

2.2.3. Sự phát triển của các hình thức tổ chức sản xuất – kinh doanh

- Theo loại hình doanh nghiệp

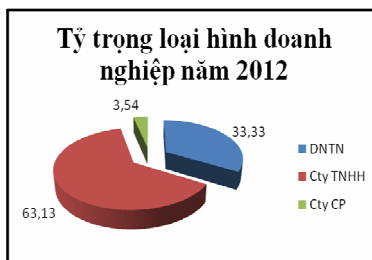
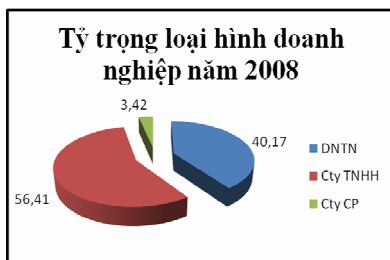
**Bảng 2.12. Tình hình phát triển kinh tế tư nhân
(theo loại hình doanh nghiệp)**

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng số doanh nghiệp	117	135	150	170	198
DNTN	47	48	54	60	66
Tỷ trọng trong tổng số doanh nghiệp(%)	40,17	35,55	36	35,29	33,33
Công ty TNHH	66	83	92	105	125
Tỷ trọng trong tổng số doanh nghiệp(%)	56,41	61,48	61,33	61,76	63,13
Công ty Cổ phần	4	4	4	5	7
Tỷ trọng trong tổng số doanh nghiệp(%)	3,42	2,96	2,67	2,94	3,54
Tỷ lệ tăng hàng năm		15,38	11,11	13,33	16,47

(Nguồn: Theo số liệu của Chi cục thống kê huyện Tuy Phước)

Trong cơ cấu các loại hình doanh nghiệp, số lượng công ty TNHH chiếm tỷ trọng lớn nhất 63,13% năm 2012, DNTN chiếm 33,33%, còn lại là công ty cổ phần. Đồng thời cơ cấu này cũng đang biến động theo chiều hướng tăng dần qua các năm.

Tỷ trọng của các loại hình doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân qua biểu đồ so sánh giữa năm 2008 và năm 2012



Biểu đồ 2.1. Tỷ trọng của các loại hình doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân

- Theo ngành nghề sản xuất kinh doanh

2.2.4. Sự phát triển các mối liên kết kinh tế tại huyện Tuy Phước

Ở huyện Tuy Phước, nhìn chung chưa thiết lập được mối liên hệ giữa các doanh nghiệp, hợp tác với các thành phần kinh tế khác. Sự hợp tác giữa các doanh nghiệp với các doanh nghiệp thuộc các

thành phần kinh tế khác nhau chưa chặt chẽ, dẫn đến sự hạn chế trong chất lượng, hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Hiện tại huyện Tuy Phước chưa quan tâm đến chức năng hỗ trợ các doanh nghiệp liên kết với nhau.

2.2.5. Thực trạng về thị trường

- Về thị trường

Tình hình xuất khẩu của huyện Tuy Phước thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.15. Tình hình xuất khẩu các doanh nghiệp kinh tế tư nhân trên địa bàn thành huyện Tuy Phước

(Đơn vị tính: 1.000USD)

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng kim ngạch xuất khẩu doanh nghiệp KTTN trên địa bàn huyện	14.321	11.792	15.481	15.283	16.652
Chia theo nhóm hàng					
- Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản	3.462	3.264	3.486	3.128	3.526
<i>Chiếm tỷ trọng so với tổng số (%)</i>	24,17	27,68	22,52	20,47	21,17
- Hàng công nghiệp nhẹ và thủ công	10.859	8.528	11.995	12.155	13.126
<i>Chiếm tỷ trọng so với tổng số (%)</i>	75,83	72,32	77,48	79,53	78,83
- Hàng nông lâm sản					
<i>Chiếm tỷ trọng so với tổng số (%)</i>	0	0	0	0	0
- Hàng thủy sản					
<i>Chiếm tỷ trọng so với tổng số (%)</i>	0	0	0	0	0

(Nguồn: Theo số liệu của Chi cục thống kê huyện Tuy Phước)

Qua biểu số liệu thấy được tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn huyện có biến động tăng qua từng năm. Riêng năm 2009 do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu nên làm cho tổng kim ngạch xuất khẩu giảm xuống rõ rệt, giảm 17,6% so với năm 2008. Xét theo nhóm hàng xuất khẩu thì hàng công nghiệp nhẹ và thủ công chiếm tỷ trọng cao và có sự tăng đều từ năm 2010 đến năm 2012, hàng công nghiệp nặng và khoáng sản chiếm tỷ trọng tương đối và cũng tăng đều từ năm 2010 đến năm 2012.

- Về khách hàng

2.2.6. Thực trạng kết quả sản xuất

Kết quả sản xuất kinh doanh được thể hiện qua giá trị sản lượng và doanh thu thuần.

Bảng 2.16. Giá trị sản xuất các ngành của các doanh nghiệp khu vực KTTN huyện Tuy Phước (tính theo giá hiện hành)

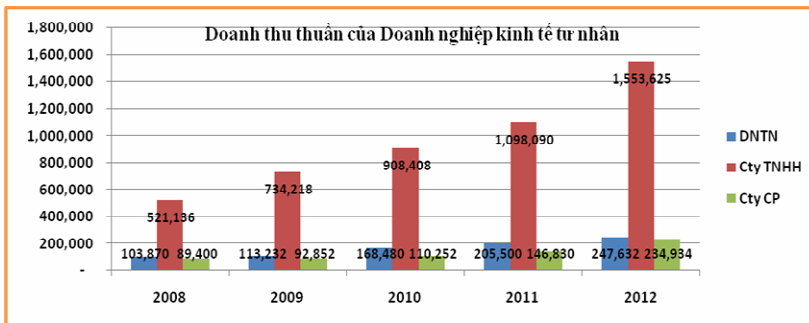
(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng cộng	1.410.951	1.586.718	1.814.546	1.950.380	2.122.970
Công nghiệp-xây dựng	582.710	667.846	786.188	827.103	881.672
Tỷ trọng so với tổng số(%)	41,30	42,09	43,33	42,41	41,53
Nông lâm-thủy sản	446.496	479.732	511.158	536.257	581.376
Tỷ trọng so với tổng số(%)	31,65	30,23	28,17	27,50	27,39
Thương mại-dịch vụ	381.745	439.140	517.200	587.020	659.922
Tỷ trọng so với tổng số(%)	27,06	27,68	28,50	30,10	31,08

(Nguồn: Theo số liệu của Chi cục thống kê huyện Tuy Phước)

Trong những năm qua, giá trị sản xuất của các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân tăng đều qua các năm, chiếm tỷ trọng lớn nhất là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng, năm 2012 giá trị sản xuất 881.672 triệu đồng, chiếm 41,53% so với tổng giá trị sản xuất các ngành, tăng 1,5 lần so với năm 2008. Tiếp đến là ngành thương mại dịch vụ chiếm tỷ trọng 31,08%; ngành nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng 27,39% so với tổng số.

Qua bảng số liệu cho thấy doanh thu thuần của các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân tăng đều qua các năm. So với năm 2008, đến năm 2012 loại hình DNTN tăng 2.3 lần, DNTN tăng gấp 3 lần, công ty cổ phần tăng 2.6 lần. Để nhìn thấy rõ hơn sự tăng tăng doanh thu của các doanh nghiệp kinh tế tư nhân được thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.2. Doanh thu thuần các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân

Mức đóng góp của các doanh nghiệp kinh tế tư nhân vào ngân sách nhà nước cũng đáng kể, chiếm tỷ trọng trên 33% so với tổng thu ngân sách (thu nội địa) của toàn huyện và có chiều hướng ổn định. Trong đó loại hình công ty cổ phần có mức đóng cao nhất, chiếm tỷ lệ trên 45% năm 2012, tiếp đến là loại hình công ty TNHH có mức đóng chiếm tỷ lệ là gần 37% và cuối cùng là DNTN có mức đóng góp chiếm tỷ lệ là gần 18%.

- Thu nhập bình quân của người lao động:
- Lợi nhuận:

2.3. NHỮNG KẾT QUẢ VÀ HẠN CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN HUYỆN TUY PHƯỚC

2.3.1. Những kết quả đạt được

- Khu vực kinh tế tư nhân đang là khu vực tạo thêm việc làm mới nhiều nhất và hiệu quả nhất trong nền kinh tế.
- Khu vực kinh tế tư nhân tăng trưởng mạnh về số lượng doanh nghiệp và quy mô vốn.
- Khu vực kinh tế tư nhân có hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn so với các thành phần kinh tế khác.
- Khu vực kinh tế tư nhân gia tăng đóng góp về sản lượng, GDP và ngân sách.

- Khu vực kinh tế tư nhân tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

2.3.2. Những hạn chế

a. Hạn chế từ cơ chế chính sách

- Việc khai vốn đăng ký
- Về thủ hành chính
- Về mặt bằng sản xuất kinh doanh
- Về tín dụng
- Về hỗ trợ xúc tiến thương mại
- Về thị trường
- Về cơ sở hạ tầng

b. Hạn chế từ loại hình kinh tế tư nhân

2.3.3. Nguyên nhân

KTTN hiện nay rất thiếu vốn sản xuất, phải vay ở thị trường không chính thức với lãi suất cao và thời gian ngắn, rất khó tiếp cận các nguồn vốn tín dụng của các NHTM, nhất là nguồn vốn ưu đãi Nhà nước.

Do trình độ chuyên môn, kinh nghiệm còn hạn chế, nên nhiều chủ doanh nghiệp, giám đốc công ty nghĩ đến đâu làm đến đó, không quan tâm đầu tư cho việc xây dựng các dự án, chiến lược kinh doanh và phát triển thị trường.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN HUYỆN TUY PHƯỚC TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIẢI PHÁP

3.1.1. Quan điểm và phương hướng phát triển kinh tế tư nhân của Đảng và Nhà nước ta

3.1.2. Một số quan điểm nguyên tắc khác về phát triển KTTN

Việc phát triển KTTN phải đi liền với kiên quyết bảo vệ môi trường, không cho phép doanh nghiệp chạy theo lợi nhuận, bất chấp việc làm ô nhiễm môi trường sống, chú ý hạn chế tối đa sự phân hóa giàu nghèo, không làm cạn kiệt tài nguyên. Phát triển KTTN phải xuất phát từ thực tiễn tình hình huyện Tuy Phước, trên nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng như cam kết của Việt Nam và thông lệ quốc tế trong xu hướng mở cửa, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN HUYỆN TUY PHƯỚC

3.2.1. Gia tăng số lượng doanh nghiệp

a. Quy hoạch phát triển ngành kinh tế hợp lý

b. Lựa chọn hình thức phát triển

3.2.2. Gia tăng các yếu tố nguồn lực

- Về vốn:

Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có căn cứ pháp lý để thế chấp tài sản vay ngân hàng thuận lợi.

Thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng của Huyện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong khu vực kinh tế tư nhân để bảo lãnh cho

doanh nghiệp tư nhân tiếp cận được các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức tín dụng trên địa bàn Huyện.

- Về nguồn nhân lực:

+ Nâng cao trình độ cho đội ngũ quản lý doanh nghiệp:

Muốn nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thương trường thì chính bản thân đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp cần tăng cường khả năng đó. Tuy nhiên, con số này còn quá ít và mang tính tự phát.

Để bồi dưỡng, phát triển năng lực quản lý chiến lược và tư duy chiến lược cho đội ngũ cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, cần đặc biệt chú trọng đến những kỹ năng: Phân tích kinh doanh, dự đoán và định hướng chiến lược, lý thuyết và quản trị chiến lược, quản trị rủi ro và tính nhạy cảm trong quản lý.

+ Nâng cao trình độ nhân viên trong doanh nghiệp

- Tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất kinh doanh: Để phát triển kinh tế tư nhân, huyện Tuy Phước cần ưu tiên xử lý các bức xúc về đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh với các giải pháp sau:

+ Phát triển theo quy hoạch tổng thể, dài hạn và ổn định các cụm công nghiệp, khu công nghiệp tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân đầu tư giá công khai rộng rãi hoặc phạm vi hẹp để thuê mặt bằng sản xuất kinh doanh.

+ Áp dụng mức giá cho thuê đất thấp tạo điều kiện để những doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa tham gia mở rộng diện tích cũng như quy mô sản xuất.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tại các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân

+ Doanh nghiệp của tư nhân cần nhận thức về vai trò, vị trí của nguồn lực khoa học đối với sự phát triển của doanh nghiệp. Coi việc chỉ đạo về đào tạo đội ngũ lao động khoa học, công nhân kỹ

thuật có chất lượng và trình độ chuyên môn cao là điều kiện kiên quyết để tạo ra sản phẩm hàng hóa, dịch vụ có chất lượng. - Về xây dựng và phát triển thương hiệu: cần nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về giá trị của thương hiệu. Nhà nước và chính quyền địa phương cần có các chương trình, dự án để doanh nghiệp được đào tạo bài bản về quy trình xây dựng các thương hiệu lớn.

3.2.3. Đẩy mạnh các hình thức liên kết

Tăng cường quan hệ kinh tế trong nội bộ KTTN, phát huy vai trò đầu mối, xúc tác liên kết của VCCI, Liên minh HTX và doanh nghiệp ngoài quốc doanh, Hội doanh nghiệp trẻ, Hiệp hội ngành nghề... của huyện.

3.2.4. Phát triển thị trường

Phát triển thị trường là một giải pháp then chốt khẳng định sự tồn tại của các doanh nghiệp nói riêng và kinh tế tư nhân nói chung.

- Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả các loại thị trường: nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền thông qua kiểm soát, phát hiện và xử lý nghiêm hiện tượng gian lận thương mại, kinh doanh trái phép, sản xuất hàng giả, trốn thuế,...

- Sắp xếp lại, hoàn thiện và phát triển mạng lưới dịch vụ thương mại trên địa bàn huyện theo hướng đa dạng, với nhiều hình thức, quy mô và phương thức khác nhau trong đó đặc biệt chú trọng vai trò của kinh tế tư nhân, nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của người dân huyện Tuy Phước, đồng thời làm tốt chức năng trung tâm thương mại dịch vụ của huyện Tuy Phước.

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại trong nước và ngoài nước.

3.2.5. Mở rộng hoạt động cung ứng thông tin cho các doanh nghiệp

Thông tin là một trong những nhân tố quyết định cho hiệu quả hoạt động của các ngành sản xuất kinh doanh. Thông tin về chính

sách Trung ương, của tỉnh phải được cung ứng một cách minh bạch và kịp thời cho các doanh nghiệp bằng các hình thức sau:

- Tăng cường mối quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp.

Đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin về chính sách cho doanh nghiệp

Xây dựng trang Website của huyện, đồng thời tập hợp thông tin kịp thời các trang website có liên quan đến chế độ chính sách, thị trường, thông tin đến những phân việc mà doanh nghiệp cần để sẵn sàng tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp một cách hiệu quả nhất. Sử dụng công nghệ thông tin để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp nhằm giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp.

3.2.6. Tăng kết quả kinh doanh

a. Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh

b. Nâng cao chất lượng sản phẩm và có chính sách giá phù hợp

c. Chính sách về phân phối sản phẩm

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Phát triển kinh tế tư nhân là một hướng đi đúng đắn của Đảng bộ và Chính quyền huyện Tuy Phước trong xu thế chung của cả nước và trên thế giới. Trong những năm qua, chính nhờ khu vực kinh tế năng động và cởi mở này, bộ mặt kinh tế xã hội của huyện Tuy Phước có nhiều chuyển biến tích cực. Lãnh đạo và công chức, viên chức của huyện đã có nhiều nỗ lực trong việc tạo điều kiện thuận lợi nhất cho KTTN phát triển. Tuy nhiên, với chừng ấy nỗ lực thôi chưa đủ, những nhà chức trách của huyện cùng với các doanh nghiệp, doanh nhân cần chung tay góp sức, cố gắng hơn nữa bằng những chủ trương, chính sách, quyết định mạnh mẽ hơn để KTTN phát triển tương xứng với tiềm năng của nó, góp phần đưa kinh tế huyện Tuy Phước lớn mạnh. Để thực hiện được mục tiêu đó thì

3.3.1. Đối với Chính phủ

3.3.2. Đối với tỉnh Bình Định

3.3.3. Đối với huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định

- Hoàn thiện cơ chế chính sách của địa phương liên quan tới phát triển KTTN vừa đảm bảo công tác quản lý chặt chẽ nhưng vẫn tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho doanh nghiệp. Không ngừng cải cách hành chính, nhất là trong các lĩnh vực: thuế, hải quan, đất đai, môi trường...

- Xây dựng và phát triển hệ thống dịch vụ công hỗ trợ doanh nghiệp.

- Nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ cho phát triển doanh nghiệp.

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại bài bản, có tính khả thi và hướng dẫn tổ chức thực hiện hiệu quả.

- Xây dựng lộ trình phát triển KTTN với tầm nhìn dài hạn và những kế hoạch chi tiết để triển khai trong từng giai đoạn cụ thể.

- Nâng cao vai trò người đứng đầu với cam kết mạnh mẽ trong việc hỗ trợ và phục vụ doanh nghiệp phát triển, trong đó có doanh nghiệp thuộc KTTN.

- Chính sách tín dụng tài chính của huyện phải phù hợp với tình hình phát triển kinh tế tư nhân tại địa phương, hỗ trợ cho kinh tế địa phương phát triển theo định hướng và mục tiêu chung của huyện Tuy Phước.

KẾT LUẬN

Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong đường lối và chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. Đối với huyện Tuy Phước, phát triển kinh tế tư nhân càng có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình hội nhập.

Thực tế có nhiều giải pháp để phát triển kinh tế tư nhân, mỗi địa phương cần phải lựa chọn ra những giải pháp phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh tế- xã hội để phát huy lợi thế ở địa phương mình. Qua phân tích thực trạng, nguyên nhân làm hạn chế sự phát triển kinh tế tư nhân của huyện Tuy Phước trong những năm qua, luận văn đã đưa ra một số giải pháp cơ bản để phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn của huyện trong thời gian đến.